

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24-3-2026

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Lệ Thanh.

2. Bà Trần Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Tới – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần P, sinh năm 1996.

Căn cước công dân số 075096016539 cấp ngày 12/10/2022.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị Làu Cóng M, sinh năm 1997.

Căn cước công dân số 075197001841; chứng minh nhân dân số 272612272 cấp ngày 17/5/2013.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2025 và bản khai, nguyên đơn anh Trần P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M tự nguyện kết hôn vào năm 2019; được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết

hôn số 45 ngày 22/7/2019. Sau thời gian chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung, không thông cảm, tôn trọng và thấu hiểu cho nhau. Hiện nay anh chị không còn chung sống với nhau. Anh nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần ly hôn để tránh tiếp tục xung đột, mâu thuẫn và gây ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống của mỗi bên. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lòu Cống M.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Trần Quốc H, sinh ngày 29/05/2019. Tại đơn khởi kiện anh đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án thì xác định chị M hiện đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh bận đi làm nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị L Cống Mùi đúng theo quy định pháp luật nhưng chị M không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và giao, tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án xác định và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đời sống chung của vợ chồng anh P, chị M không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xem xét, giải quyết cho anh P được ly hôn với chị M.

Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị M vì anh P không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

Về án phí: Anh P phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Làu C Mùi có nơi thường trú tại xã P, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai theo quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh Trần P khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị M đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã P, tỉnh Đồng Nai; xuất cảnh ngày 31/01/2025 nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành xác minh đối với cha ruột của chị M cho biết chị M hiện xuất khẩu lao động tại P nhưng gia đình không biết địa chỉ của chị M ở nước ngoài; chị M vẫn liên lạc thăm hỏi con thường xuyên và gửi chi phí nuôi con. Tòa án đã thông báo yêu cầu đến lần thứ hai mà gia đình chị M không cung cấp địa chỉ của chị M cho Tòa án. Do đó, Tòa án tiếp tục giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về luật áp dụng: Anh Trần P và chị Làu Cóng M đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 22/7/2019 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần P và chị L Cóng Mùi tự nguyện kết hôn và được UBND xã P (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 22/7/2019 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Anh P xin ly hôn vì lý do vợ chồng mâu thuẫn, không còn hợp nhau, không có tiếng nói chung và đã không còn chung sống với nhau. Chị M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập đến Tòa án để hòa giải, đoàn tụ nhưng không đến, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xác minh tại người thân của chị M cho thấy vợ chồng anh P, chị M phát sinh mâu thuẫn và

không còn chung sống với nhau. Tòa án nhận thấy có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa anh Trần P và chị Lòu Cóng M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho anh Trần P được ly hôn với chị Lòu Cóng M.

[5.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Trần Quốc H, sinh ngày 29/05/2019. Tại đơn khởi kiện anh P giao cháu H cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, anh P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Chị M không nộp văn bản trình bày ý kiến về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về khả năng, điều kiện nuôi con. Chứng cứ do Tòa án thu thập thể hiện chị M đang xuất khẩu lao động ở P nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó giao con chung cho anh P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Mục 1 Chương V Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị M được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, các bên được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P chưa yêu cầu.

[5.4] Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Trần P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần P được ly hôn với chị Lòu Cóng M.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Quốc H, sinh ngày 29/05/2019 cho anh P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Chị M được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, các bên được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P chưa yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp theo biên lai số 0002299 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được chuyển thành tiền án phí. Anh P đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND KV7-Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự KV7-Đồng Nai;
- UBND xã Phú Vinh (xã Phú Tân cũ)
(GCNKH số 45 ngày 22/7/2019);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Thái